

Sirô **AMBROXOL**

GMP-WHO

THÀNH PHẦN: Cho mỗi 5 ml sirô

Ambroxol HCl15 mg

Tá dược (Na CMC, acid citric, natri metabisulfit, sucralose, natri benzoat, EDTA, dung dịch sorbitol 70 %, hương Tutti, propylen glycol, glycerin, NaOH, tinh dầu eucalyptol, nước tinh khiết) vừa đủ5 ml

DƯỢC LỰC HỌC

- Ambroxol là một chất chuyển hóa của bromhexin, có tác dụng và công dụng như bromhexin. Ambroxol có tác dụng long đờm và làm tiêu chất nhầy. Một vài tài liệu có nêu ambroxol cải thiện được triệu chứng và làm giảm số đợt cấp tính trong viêm phế quản.
- Các tài liệu mới đây cho thấy, thuốc có tác dụng khá đối với người bệnh tắc nghẽn phổi nhẹ và trung bình, nhưng không có lợi ích rõ rệt cho những người bị bệnh phổi tắc nghẽn nặng.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

- Ambroxol hấp thu nhanh và gần như hoàn toàn với liều điều trị. Nồng độ tối đa trong huyết tương đạt được trong vòng 0,5 - 3 giờ sau khi dùng thuốc. Thuốc liên kết với protein huyết tương xấp xỉ 90 %.
- Ambroxol khuếch tán nhanh từ máu đến mô với nồng độ thuốc cao nhất trong phổi, nửa đời trong huyết tương từ 7 - 12 giờ.
- Khoảng 30 % liều uống được thải trừ qua vòng hấp thu đầu tiên, ambroxol được chuyển hóa chủ yếu ở gan. Tổng lượng bài tiết qua thận xấp xỉ 90 %.

CHỈ ĐỊNH

Điều trị các rối loạn về sự bài tiết ở phế quản, chủ yếu trong các bệnh phế quản cấp tính: Viêm phế quản cấp tính, giai đoạn cấp tính của các bệnh phế quản - phổi mạn tính.

LIỀU DÙNG - CÁCH DÙNG

Dùng theo chỉ định của Bác sĩ hoặc theo liều trung bình

- Trẻ em 2 - 5 tuổi: 2,5 ml (1/2 muỗng canh), 2 - 3 lần/ngày.
- Trẻ em 5 - 10 tuổi: 5 ml (1 muỗng canh), 2 - 3 lần/ngày.
- Trẻ em trên 10 tuổi và người lớn: 10 ml (2 muỗng canh), 3 lần/ngày.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Quá mẫn với một trong các thành phần của thuốc.
- Loét dạ dày, tá tràng tiến triển.

THẬN TRỌNG

Cần chú ý với người bị loét đường tiêu hóa và các trường hợp ho ra máu, vì ambroxol có thể làm tan các cục đông fibrin và làm xuất huyết trở lại.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Dùng ambroxol với kháng sinh (amoxycillin, cefuroxim, erythromycin, doxycyclin) làm tăng nồng độ kháng sinh trong nhu mô phổi. Chưa có báo cáo về tương tác bất lợi với các thuốc khác trên lâm sàng.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

** Thường gặp, ADR > 1/100*

Tiêu hóa: Tai biến nhẹ, chủ yếu sau khi tiêm như ợ nóng, khó tiêu, đôi khi buồn nôn, nôn.

** Ít gặp, $1/1000 < ADR < 1/100$*

Dị ứng, chủ yếu phát ban.

** Hiếm gặp, $ADR < 1/1000$*

Phản ứng kiểu phản vệ cấp tính, nặng, nhưng chưa chắc là có liên quan đến ambroxol, miệng khô, và tăng các transamin.

Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn bạn gặp phải khi dùng thuốc

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ PHỤ NỮ CHO CON BÚ

- Chưa có tài liệu nói đến tác dụng xấu khi dùng thuốc trong lúc mang thai. Dù sao vẫn cần thận trọng khi dùng thuốc này trong 3 tháng đầu của thai kỳ.

- Chưa có thông tin về nồng độ của bromhexin cũng như ambroxol trong sữa mẹ.

SỬ DỤNG THUỐC CHO NGƯỜI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Sử dụng được cho người thường xuyên lái xe và vận hành máy móc.

QUÁ LIỀU - CÁCH XỬ TRÍ

Chưa có triệu chứng quá liều trên người. Nếu xảy ra, cần điều trị triệu chứng.

KHUYẾN CÁO

- Không dùng sản phẩm quá hạn ghi trên hộp, hoặc sản phẩm có nghi ngờ về chất lượng.

- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Muốn biết thêm thông tin, xin hỏi ý kiến Bác sĩ hoặc Dược sĩ.

TRÌNH BÀY - BẢO QUẢN

- Hộp 1 chai 60 ml, có kèm tờ hướng dẫn sử dụng.

- Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30 °C.

ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM

- Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

- Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS

Cơ sở sản xuất:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0236.3760130 Fax: 0236.3760127 Email: info@danapha.com

Điện thoại tư vấn: 0236.3760131

Và phân phối trên toàn quốc